

TINH THẦN TỰ CƯỜNG DÂN TỘC CỦA TRÍ THỨC YÊU NƯỚC VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

LƯU MAI HOA*

Trong phong trào yêu nước vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trí thức là tầng lớp tiên phong trong việc bài trừ những luồng tư tưởng lỗi thời, đề cao tinh thần tự cường dân tộc; và một số cho rằng, để có thể tự cường dân tộc trước hết phải nâng cao sự hiểu biết của người dân, kể đến phải thức tỉnh lòng yêu nước, tinh thần độc lập của toàn dân tộc và cuối cùng là hướng tới việc làm cho dân tộc Việt Nam được giải phóng hoàn toàn. Những tư tưởng này không chỉ đã tạo nên một bước ngoặt trong lịch sử tư tưởng Việt Nam mà còn là bài học quý giá đối với việc nâng cao hơn nữa tinh thần tự cường dân tộc trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay.

Từ khóa: tự cường dân tộc, trí thức Việt Nam, phong trào yêu nước, bước ngoặt

Nhận bài ngày: 08/9/2021; *đưa vào biên tập:* 15/9/2021; *phản biện:* 20/11/2021; *duyet đăng:* 10/01/2022

1. DẪN NHẬP

Nhìn lại lịch sử phát triển đất nước có thể thấy, tầng lớp trí thức luôn có tinh thần cầu tiến, tiếp cận những tư tưởng tiến bộ của nhân loại.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam có những biến đổi lớn. Thực dân Pháp xâm lược và biến Việt Nam từ một nước độc lập thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Chế độ phong kiến Việt Nam cùng với hệ tư tưởng Nho giáo ngày càng tỏ rõ sự bất lực trước yêu cầu của công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc, nội bộ giai cấp địa chủ phong kiến có sự phân hóa sâu sắc. Triều

đình phong kiến nhà Nguyễn nhu nhược, khuất phục trước thực dân Pháp. Trước yêu cầu cấp thiết của lịch sử, các nhà trí thức Nho học tiến bộ đã chủ trương canh tân nhằm tự cường dân tộc. Sự nghiệp đó được gắn liền với tên tuổi của Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh...

2. NỘI DUNG

2.1. Những vấn đề lý luận chung

Theo *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, tự cường là “tự mình xây dựng sức mạnh của chính mình” (Nguyễn Lân, 2000: 1966). Theo quan điểm này thì tự cường dân tộc có nghĩa là phải làm cho dân tộc ngày một mạnh lên không

* Trường Đại học Nha Trang.

thua kém các dân tộc khác. Muốn làm được điều đó thì phải “dựa vào sức lực, thể mạnh của mình mà giải quyết công việc, không phụ thuộc, dựa dẫm vào người khác” (Nguyễn Như Ý, 1999: 173). Để giải phóng khỏi sự đô hộ của thực dân, dân tộc Việt Nam cần phải dựa vào chính sức lực, thể lực của dân tộc để đánh đuổi kẻ thù, bảo vệ đất nước, không hoàn toàn phụ thuộc, dựa dẫm vào sự giúp đỡ của nước ngoài.

Vốn là những người có trí thức, học vấn cao, chuyên lao động trí óc, khi sự phân công lao động xã hội trở nên sâu sắc thì vai trò của trí thức lại càng trở nên quan trọng và rõ nét. Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác quan niệm rằng: trí thức là những người có trí thức dồi dào và có chính kiến trước những vấn đề chính trị - xã hội. V.I. Lênin đã lấy tính chất và nội dung lao động của trí óc là lao động trí óc cùng với trình độ học vấn cao làm cơ sở để phân biệt người trí thức với người lao động chân tay. “Tôi dịch người trí thức, tầng lớp trí thức theo ngữ nghĩa Đức là Literat, Literatentum, bao gồm không phải chỉ nhà văn hóa học mà là tất cả những người có văn hóa, những người làm nghề tự do nói chung, những đại biểu của lao động trí óc, để phân biệt với những đại biểu của lao động chân tay” (Lênin, 1978, tập 8: 372). Kế thừa các quan điểm trước đó, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến tầng lớp trí thức.

Trong *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh (2000: 527) viết: “Trí thức là gì?

Trí thức là hiểu biết, trong thế giới có hai thứ hiểu biết: một là hiểu biết sự đấu tranh sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết đấu tranh dân tộc và đấu tranh xã hội. Khoa học xã hội từ đó mà ra. Ngoài hai cái đó không có trí thức nào khác. Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song, y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải là trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào thực tế”. Như vậy, học vấn đại học chỉ là điều kiện cần, quan trọng là phải sử dụng có hiệu quả trí thức trong đời sống, phục vụ dân sinh. Tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X khẳng định: “Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2008).

Trí thức là một trong những tầng lớp quan trọng, đi đầu trong việc cải biến xã hội. Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tầng lớp trí thức ở Việt Nam cho rằng, muốn nâng cao tinh thần tự cường dân tộc thì cần phải nâng cao sự hiểu

biết cho người dân, đánh thức lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc.

2.2. Tinh thần tự cường dân tộc của trí thức yêu nước Việt Nam thể hiện trong việc nâng cao sự hiểu biết cho người dân

Tinh thần tự cường dân tộc của trí thức Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX không chỉ thể hiện sự phát triển của tư tưởng dân tộc, mà còn phản ánh sự tự cường dân tộc. Các nhà trí thức chủ trương cải cách trên mọi lĩnh vực để tự cường, tự lực chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp, giành lại độc lập cho dân tộc. Tư tưởng tự cường dân tộc đã thổi một luồng không khí mới vào đời sống tinh thần của người Việt Nam. Đây là một đóng góp lớn góp phần chuẩn bị một bước chuyển mới về tư tưởng của dân tộc. Trên cơ sở ấy, Nguyễn Ái Quốc đã có điều kiện thuận lợi để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và làm nên cuộc cách mạng tư tưởng chính trị vào những năm 1930.

Các nhà trí thức Việt Nam giai đoạn này cho rằng, dân trí thấp kém, dân quyền bị khinh bỉ và tình trạng thiếu đoàn kết là những nguyên nhân đưa đến hiểm họa vong quốc ở Việt Nam. Để khắc phục tình trạng đó, cần phải phát triển giáo dục, bởi giáo dục là gốc rễ của mọi vấn đề. Phan Bội Châu (2000: 179) quan niệm: “dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt; vận mệnh nước ta do nhân dân nắm giữ. Giữa đô thành nước ta đặt một tòa nghị viện lớn. Bao nhiêu việc chính trị đều do công chúng

quyết định... Phàm nhân dân nước ta, không cứ sang hèn, giàu nghèo, lớn bé đều có quyền bỏ phiếu bầu cử”. Phan Châu Trinh cho rằng, muốn tự cường dân tộc cần phải kết hợp truyền thống với hiện đại, dân tộc với thế giới: “Nếu ta giữ một ít đạo đức của ta, thái độ một ít đạo đức của Âu đem điều hòa lại rồi khuếch trương luân lý, nghĩa là khiến dân Việt Nam ai ai cũng đều biết nghĩa vụ đối với nước Việt Nam. Được như thế thì chẳng những nước Việt Nam sau này được giàu mạnh, mà trong thế giới này bất kỳ dân tộc nào muốn ăn chung ở đậu trên miếng đất này cũng không dám đem lòng khinh dễ ta như ngày nay nữa” (dẫn theo Nguyễn Văn Dương, 1995: 791). Nguyễn An Ninh thì khẳng định: “Để giành lấy tự do từ một thế lực có tổ chức, phải đương đầu với nó bằng một sức mạnh có tổ chức” (dẫn theo Mai Quốc Liên, Nguyễn Sơn, 2012: 398). Như vậy các nhà trí thức thời kỳ này đều cho rằng, muốn tự cường dân tộc thì vấn đề cấp bách là phải nâng cao sự hiểu biết cho người dân, làm cho dân tộc Việt Nam thay đổi nếp suy tư cũ kỹ để vươn lên tầm nhận thức mới cao hơn, phù hợp với sự phát triển của thời đại.

Để làm được điều đó cần phải có những con người mới thông qua cách học mới; và để hấp thụ được những tư tưởng mới phải có phương pháp mới, bằng cách gửi người ra nước ngoài tiếp thu cái mới. Một số trí thức cho rằng, để nâng cao sự hiểu biết cho người dân thì trước hết phải đào

tạo được một “tầng lớp tinh hoa”. Tầng lớp này không chỉ tiếp thu văn hóa Pháp mà còn phải cho họ đi sang các nước lân cận đào tạo sau đó đưa họ về nước để tạo ra “vết dầu loang trong giáo dục” nhằm nâng cao sự hiểu biết của người dân. Việc dựa vào tầng lớp trí thức có thực tài làm nòng cốt cho sự nghiệp phục quốc là một việc làm hết sức đúng đắn. Phan Bội Châu cho rằng: “gương tri thức ta nếu không mài cho trong còn ai là người mài họ; đèn tri thức ta nếu ta không khêu cho rạng; còn ai là kẻ khêu giùm?... Dùng sức, đầu óc mình thế đua đuổi với bạn văn minh, dùng cái sức tự động của mình, mà mở mang lấy tri thức mình” (Phan Bội Châu 2000: 93). Tư tưởng này không chỉ đã đặt cơ sở lý luận cho một số chủ trương của ông mà còn tác động đến quan điểm của nhiều trí thức về hoạt động du học, thực hiện cải cách giáo dục, nâng cao dân trí và đào tạo, bồi dưỡng nhân tài... Các nhà trí thức này cho rằng, tri thức mới không phải dùng để trang bị cho một lớp người mà phải cho toàn thể nhân dân. Vì việc tự cường dân tộc không thể quyết định bằng trí khôn của một số người mà phải là trí khôn của tất cả mọi người.

Việc nâng cao sự hiểu biết cho người dân của các nhà trí thức cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một quyết định mang tính đột phá, thay đổi hướng đi và phương pháp đấu tranh, mở cửa hướng ra bên ngoài để học hỏi, tiếp nhận những cái mới cho phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Đây

là một bước đột phá để nâng cao tinh thần tự cường dân tộc cho người dân, được xem là bước ngoặt chuyển từ tư duy yêu nước, cứu nước bằng phương pháp bạo động sang tư duy cải cách, đổi mới, đề cao việc học tập tiến bộ. Sau này, Hồ Chí Minh (2002: 4) cũng cho rằng: “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Các nhà trí thức nhận thấy, bạo động cứu nước theo con đường Cần Vương là không phù hợp, giờ đây phải mở ra con đường cứu nước mới bằng cách “khai hóa”, duy tân đất nước, “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Chủ trương cải cách, thể hiện điển hình là phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX, có nguồn gốc từ xu hướng cải cách, canh tân đất nước giữa thế kỷ XIX với các đại biểu Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Trần Đình Túc, Nguyễn Lộ Trạch..., nhằm mục đích tự cường dân tộc, thực hiện bài trừ các hủ tục lạc hậu, đuổi kịp các nước tiên tiến.

Trong số những người đi đầu tiêu biểu vào cuối thế kỷ XIX không thể không đề cập đến một nhân vật lỗi lạc có tư duy đổi mới, đó là Đặng Huy Trứ. Trước thực trạng đất nước suy vi, ông và nhiều trí thức cho rằng, cần phải bỏ lối học tầm chương trích cú của Nho học, không thể chỉ dùng văn chương lý lẽ mà phải tiếp thu khoa học - kỹ thuật của phương Tây để thúc đẩy sản xuất, làm cho dân giàu, nước mạnh. Theo ông, muốn tự cường đánh Pháp phải nhanh chóng thay đổi cách nghĩ, từ chỗ xem đạo đức, lễ nghĩa là cái

duy nhất, tối cao, bất biến đến phải thấy sản xuất của cải vật chất cũng là “đạo lý lớn”. Ông kịch liệt phản đối việc dùng lời lẽ, đạo lý nhà Nho mà thay vào đó là đề cao tầm quan trọng của các ngành khoa học tự nhiên.

Bên cạnh Đặng Huy Trứ là Nguyễn Trường Tộ. “Trong lịch sử giáo dục Việt Nam, Nguyễn Trường Tộ là người bắn phát súng đầu tiên vào hệ thống giáo dục khoa cử của Nho học” (Võ Văn Dũng, 2015: 111). Ông nhiều lần gửi các bài điều trần lên triều đình, đề nghị chính quyền cải cách toàn diện, nhằm canh tân đất nước, tạo thế vươn lên cho dân tộc để giữ nền độc lập một cách khôn khéo mà vững chắc. Theo ông, phải có sự canh tân đất nước, bởi “thời đại nào có chế độ ấy”. Con người sinh ra thời đại nào cũng chỉ đủ làm công việc của thời đại ấy mà thôi. Việc nâng cao sự hiểu biết cho người dân là một việc làm hết sức quan trọng để khởi đầu cho việc thúc đẩy tinh thần tự cường dân tộc Việt Nam.

Nhiều trí thức lúc bấy giờ đã nhìn thấy nguồn gốc sâu xa của mất nước một phần là do tầm nhận thức của người dân. Hiểu biết hạn chế làm cho nhân dân mất đi quyền tự quyết và sự tự do dân tộc, do đó phải trang bị tri thức cho người dân, phải làm cho người dân ý thức được việc nâng cao dân trí là điều kiện quan trọng để thổi bùng nên ngọn lửa giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

2.3. Tinh thần tự cường dân tộc của trí thức yêu nước thể hiện trong

việc đánh thức lòng yêu nước, tinh thần độc lập, tự chủ

Các nhà trí thức cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam cho rằng, muốn tự cường dân tộc cần phải đánh thức lòng yêu nước, tinh thần tự chủ dân tộc Việt Nam. Các nhà trí thức thời kỳ này đều nhận thấy sự yếu kém của Việt Nam về thế và lực so với Pháp và các nước khác. Quá trình nhận thức đó đã khiến họ đưa ra đề nghị cải cách trên mọi lĩnh vực, làm cho đất nước ngày một phú cường, lập lại thế cân bằng cho dân tộc, đủ sức chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp, tránh họa vong quốc. Đồng thời, sẽ tạo nên một Việt Nam phát triển về mọi mặt và tự cường dân tộc, sánh ngang, thậm chí còn vượt qua các nước phát triển đương thời. Tinh thần độc lập dân tộc, tự lực, tự cường là một trong những nội dung cơ bản trong truyền thống dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở tư tưởng chủ đạo ấy, các nhà trí thức ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mà tiêu biểu Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, đều khẳng định tầm quan trọng của tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường trong công cuộc canh tân bảo vệ và phát triển đất nước.

Theo Đặng Huy Trứ, muốn tự cường dân tộc phải đánh đuổi được thực dân Pháp xâm lược, “Trong thiên hạ, không có cái nhục nào bằng cái nhục không được như người” (dẫn theo Nhóm Trà Lĩnh, 1990: 438). Cùng với Đặng Huy Trứ, là Nguyễn Lộ Trạch,

trong cuộc chiến đấu không cân sức với giặc Pháp, Nguyễn Lộ Trạch tuy không tán thành tư tưởng chủ chiến nhưng lại phê phán gay gắt tư tưởng chủ hòa vô điều kiện của vua Tự Đức, vì đó là nguy cơ lớn nhất làm tê liệt sự cảnh giác và hậu quả tai hại sẽ không tránh khỏi. “Hòa” - theo quan niệm của Nguyễn Lộ Trạch, trong tình hình suy yếu, lạc hậu của đất nước, cần có hòa bình để có điều kiện và tranh thủ thời gian để canh tân, tự cường, bồi dưỡng sức dân, xây dựng lực lượng, hiện đại hóa quân đội, chờ thời cơ đấu tranh để xoay chuyển tình thế, để giành thắng lợi cuối cùng. Ông viết: “Sự thế này nay không có cách gì hơn hòa nữa, nhưng lấy hòa làm quyền nghi nhất thời thì có thể được, chứ trông cậy làm kế lâu dài thì tôi đây dầu rất ngu dại cũng biết là không nên” (dẫn theo Mai Cao Chương, Đoàn Lê Giang, 1995: 88). Từ đó ông khẳng định phải gấp rút tự cường: “Sự thế ngày nay thiếu thốn, yếu hèn, rắc rối, phức tạp, rất khó làm gì, nhưng nếu bệ hạ thành tâm chấn chỉnh, khuyến khích, tài bồi nó thì cũng chưa phải là không còn cơ hội làm được. Đến lúc này còn không lo làm thì cái thế yếu hèn ngày càng trầm trọng... Để lỡ dịp này, rồi muốn làm thì cũng đã èo uột, không đứng vững được, mà mỗi họa trong gan ruột đã nặng, hành động bị cấm cản dẫu có bậc trí giả thì cũng không thể giới giang thi thố tài năng lúc này cũng muộn” (dẫn theo Mai Cao Chương, Đoàn Lê Giang, 1995: 90). Bằng lý luận sắc bén và có tính chất luận chiến, ông phê phán một

cách trực diện đường lối sai lầm và thái độ hèn nhát, cầu an của triều đình. Nguyễn Lộ Trạch cho rằng việc tự lực, tự cường là yếu tố quyết định nhất đảm bảo chống giặc thắng lợi: “... Về cách chống giặc, nói rõ từng mục thì rất nhiều, nhưng điều quan trọng nhất chẳng qua chỉ một tiếng “tự trị” mà thôi” (dẫn theo Mai Cao Chương, Đoàn Lê Giang, 1995: 95).

Phạm Phú Thứ cũng cùng chung quan điểm với Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch. Ông chỉ rõ: “Trong khoảng hai ba mươi năm, chờ khi có cơ hội tốt có thể nắm lấy được lúc đó tất cả đất, là đất ta, dân là dân ta, trong ngoài êm ấm, không có sự rạn nứt gì. Nếu chúng chịu ngoan ngoãn theo ta thì ta bỏ ra một số tổn phí để thu về; nếu không thì thế lực của ta đã đầy đủ, bây giờ trên báo cáo với tôn miếu, dưới ăn thề với nhân dân, quyết kế đội trời chung với chúng. Như thế muôn đời về sau không thể lấy sự chiến hòa không có kế hoạch như vua đời Tống mà chê trách chúng ta ngày nay được” (dẫn theo Trần Văn Giàu, 1996: 449). Để tự cường dân tộc Phạm Phú Thứ đòi 6 năm có thành hiệu về hai việc làm ra tiền bạc, lương thực và chấn chỉnh võ bị, ông cho một kế hoạch lâu dài, hai ba mươi năm quyết phải lấy lại được đất đã mất, dù phải bằng chiến tranh.

Nguyễn Trường Tộ với kiến thức uyên bác, tư duy khoa học sâu rộng, đã phân tích thấu đáo những đề xuất cụ thể về vấn đề tự cường dân tộc và bảo vệ đất nước. Ông nêu rõ quan

điểm của mình: “Nay việc khẩn cấp nhất của ta là trước hết phải giữ cho được cái gì chưa mất, còn việc mưu thu hồi sáu tỉnh là việc sau. Muốn giữ cái gì chưa mất thì phải gấp rút giao thiệp rộng, muốn thu hồi sáu tỉnh thì phải gấp rút thừa cơ mà canh tân chính là căn bản để mưu thu hồi và giữ gìn. Nếu không canh tân để tiến bộ thì dù có tạm thời thu hồi được, và hôm nay ngày mai lại rách, rút cuộc cũng không thể không có chuyện gì xảy ra. Nếu nhất luật canh tân để tiến bộ, thì việc giữ không khó mà việc mưu thu hồi không chóng thì chầy cũng có thể hy vọng được” (dẫn theo Trương Bá Cần, 2002: 464). Mục đích cao nhất là tự cường dân tộc và nâng địa vị dân tộc lên ngang tầm thế giới.

Chủ trương của Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ và nhiều trí thức lúc bấy giờ là muốn tự cường dân tộc thì cần phải dựa vào sức mạnh của chính dân tộc mình để gây dựng, phát huy toàn diện nội lực của đất nước, kết hợp với những thành tựu văn minh nhân loại, nhằm giải phóng dân tộc, phát triển đất nước. Muốn làm được điều đó cần làm cho đất nước được phú cường, hưng thịnh, đồng thời khẳng định vị thế của quốc gia trong mối quan hệ quốc gia và dân tộc khác.

Xuất phát từ tinh thần tự cường, các nhà trí thức Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX xác định nhiệm vụ, mục đích cấp thiết trước mắt cần phải làm là, tăng cường sức mạnh nội lực, để thế nước được phát triển vững vàng.

Do đó, cả Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ... luôn luôn nhấn mạnh đến sự đoàn kết dân tộc. Nói về đoàn kết dân tộc, Nguyễn An Ninh cho rằng, “Đó là chủ nghĩa yêu nước và ý chí bất khuất đấu tranh để dựng nước và giữ nước” (dẫn theo Mai Quốc Liên, Nguyễn Sơn, 2012: 272). Như vậy tự cường dân tộc cần phải dựa vào tiêu chí lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm của nhân dân đối với dân tộc chứ không phải trên quan điểm giai cấp. Theo Phan Bội Châu, “Những ai là người có lòng thương dân thương nước, dầu ít hay nhiều; những đồng bào bấy lâu nay khao khát mong đợi thời cuộc đưa đến sự may mắn cho dân tộc ta; những kẻ có tâm chí sẵn lòng ra giúp đỡ cho dân tộc Việt Nam có một tương lai rực rỡ; vô số người lao khổ ao ước và sẵn lòng hy sinh để cải thiện cuộc đời khốn khổ của mình và được đòi quyền tham gia vào sự lo lắng cho vận mệnh cả nước, toàn thể quốc dân ngày nay phải chú ý đến cái việc lớn lao có thể làm được” (Phan Bội Châu, 2000, tập 2: 1298). Các nhà trí thức cho rằng, muốn tự cường dân tộc cần thiết phải đoàn kết thành một khối để tạo nên sức mạnh. Bên cạnh đó cần phải khôn khéo và táo bạo, không quá lệ thuộc vào sự cấm đoán của Pháp, nhất là về quân sự và ngoại giao; cần phải gấp rút chấn chỉnh quân đội, phát triển kinh tế - xã hội về mọi mặt.

Các nhà trí thức thời kỳ này đã nhận thấy khi sự hiểu biết của người dân được nâng lên thì lòng yêu nước vốn

có trong họ sẽ sống dậy. Bởi lẽ, lòng yêu nước là một truyền thống vốn có của dân tộc Việt Nam nhưng nó chưa được đánh thức bởi nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu nhất vẫn là nhận thức bị giới hạn. Đồng thời, lòng yêu nước không chỉ dừng lại ở nhận thức mà còn được thể hiện bằng hành động, bằng tinh thần đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam thành một khối thống nhất. Toàn thể người dân Việt Nam phải cùng chung một lý tưởng là giải phóng dân tộc và xây dựng một Việt Nam hùng cường.

2.4. Tinh thần tự cường dân tộc của trí thức yêu nước thể hiện qua việc thúc đẩy công cuộc cải cách xã hội và giải phóng đất nước

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX xã hội Việt Nam đã có những biến đổi lớn trên tất cả các phương diện. Nhiều trí thức yêu nước đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi như: dân tộc Việt Nam phải theo con đường nào để độc lập, tự chủ và giải phóng dân tộc; giai cấp nào là giai cấp có đủ sức lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc; ngọn cờ tư tưởng nào có đủ khả năng để định hướng cho việc giải phóng; đường lối nào phù hợp với yêu cầu của thời đại và cho dân tộc Việt Nam.... Hàng loạt vấn đề mới của thực tiễn Việt Nam đòi hỏi cần có lời giải đáp, sự giải đáp.

Để tự cường dân tộc, các nhà trí thức thời kỳ này chủ trương cần phải tiến hành thúc đẩy sự giải phóng dân tộc. Một số cho rằng, muốn thúc đẩy việc giải phóng dân tộc thì trước hết cần

phải phát triển về kinh tế làm giàu cho đất nước, bên cạnh đó cần thiết phải lập cục cơ khí, mở xưởng gang thép, đúc súng ống, lập đội chiến thuyền, huấn luyện quân sự, lập cục dạy nghề, mời phương Tây sang dạy ngôn ngữ, văn tự, toán pháp, đồ họa, kỹ thuật, cử thanh niên tuấn tú ra nước ngoài học tập... để biết sử dụng và chế tạo máy móc theo kỹ thuật hiện đại nhằm mục đích tự cường, tự trị.

Các nhà trí thức thời kỳ này cho rằng, để thúc đẩy việc giải phóng dân tộc cần phải phát huy được tinh thần dân chủ của người dân; xóa bỏ xã hội phong kiến lỗi thời và thay vào đó bằng một chế độ xã hội mới; trong xã hội mới đó, mọi người dân đều có quyền bình đẳng. Các nhà trí thức đều thống nhất xây dựng một mô hình chính trị dân chủ thay thế mô hình phong kiến chuyên chế theo kiểu cha truyền con nối. Để làm được điều đó, cần phải tuyên truyền để người dân thay đổi lối tư duy lỗi thời bằng một lối tư duy mới. Xuyên suốt tư tưởng của các nhà trí thức là vấn đề độc lập dân tộc, vấn đề quyền lực chính trị thuộc về nhân dân. Đây là những tư tưởng tiến bộ, có giá trị nhất trong lịch sử đấu tranh giành và giữ độc lập của dân tộc Việt Nam. Để tự cường dân tộc, các nhà trí thức cho rằng cần phải đặt vị trí, vai trò và quyền lực nhân dân lên trên hết và trước hết. Nguyễn An Ninh có cái nhìn khá biện chứng, khi cho rằng, con người nằm trong chế độ áp bức, bóc lột của thực dân thì tất cả đều có chung mục đích cách mạng

giải phóng áp bức, bóc lột; cho dù giai cấp nào đều bị thực dân đô hộ, chỉ trừ những kẻ làm tay sai, phản động. Theo ông “chống chủ nghĩa phát xít, cho dù ở nước thuộc địa hay ở nước mẹ (mẫu quốc), thì vũ khí tốt nhất vẫn là tổ chức tập hợp quần chúng bị bóc lột lại và giáo dục cho họ ý thức chống chủ nghĩa phát xít rõ rệt” (dẫn theo Mai Quốc Liên, Nguyễn Sơn, 2012: 801). Quan điểm của Phan Bội Châu là: “Ta thương yêu nhất là dân, nên những người mà ta thăm trách cũng là dân ta. Dân nước ta có chịu hời mà tự cường không?” (dẫn theo Nguyễn Văn Dương 1995: 132). Phan Chu Trinh cho rằng: “Một nòi dân cùng một giọt máu xẻ ra, cùng một thứ tiếng nói, ở trong miếng đất mà ông cha ta đã đổ máu, đổ mồ hôi, đổ nước mắt, để vỡ vạc ra, thành ra một nước lưu truyền bốn ngàn năm đến giờ, thì được phép hưởng quyền lợi trong miếng đất ấy, được sống ở đó, chết chôn đó, giàu nhờ đó, nghèo nương đó, làm gì thì không ai cấm đoán được” (dẫn theo Nguyễn Văn Dương, 1995: 774).

Sau khi người dân hiểu được vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc giải phóng dân tộc, các nhà trí thức đã chủ trương phát động các phong trào đấu tranh theo nhiều hình thức khác nhau như mít tinh, biểu tình, và các cuộc diễn tập bằng bạo lực được diễn ra ở nhiều nơi: Phan Đình Phùng khởi nghĩa ở Hương Khê (1885-1895), Hoàng Hoa Thám khởi nghĩa ở Yên Thế (1884-1913), phong trào đòi thả Phan Bội Châu (1925), Nguyễn An

Ninh (1926), lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh (1925). Các phong trào này càng về sau càng phân hóa theo các hướng khác nhau, và tuy thất bại nhưng đã thể hiện được lòng yêu nước và tinh thần tự cường dân tộc.

Các nhà trí thức dân tộc đều tập trung vấn đề quan trọng là tự cường dân tộc, nâng cao dân trí, bồi dưỡng sức dân, truyền bá tư tưởng dân chủ và dân quyền. Đây là một trong những tư tưởng khá nổi bật, mà một số trí thức ở góc độ này hay góc độ khác đều đưa ra và tìm cách giải quyết. Vấn đề “dân là gốc”, dân là chủ được bàn đến nhưng chưa có được những lý thuyết mang tính cơ bản. Tư tưởng tự cường dân tộc, nâng cao dân trí, đề cao dân quyền có lẽ là vấn đề đầu tiên, mới mẻ trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam, đánh dấu bước chuyển tư tưởng chính trị từ quân chủ sang dân chủ. Mặc dù bước chuyển này so với phương Tây là chậm chạp nhưng đây là bước chuyển rất căn bản cho dân tộc Việt Nam tiến lên một thời đại mới - thời đại dân chủ, chuẩn bị tiền đề cho tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ban đầu lực lượng đấu tranh được các nhà trí thức xác định là tầng lớp sĩ phu và con em tầng lớp sĩ phu, là những người có vai trò to lớn, đại biểu cho cách mạng dân tộc, nhưng sau đó, cách nhìn nhận này đã được thay đổi, các nhà trí thức đã nhận thấy lực lượng cách mạng không phải là sĩ phu nữa mà là công nhân và nông dân. Các nhà trí thức đã nhận thấy, để tự cường dân tộc cần phải làm rõ vai trò,

vị trí của người dân trong cuộc cách mạng; phải tuyên truyền cho người dân hiểu rõ vai trò, vị trí của họ và khi mọi người dân hiểu được thì việc giải phóng sẽ được diễn ra nhanh chóng. Vì một nước phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền thiếu một trong ba yếu tố thì không đủ làm một nước. Trong ba yếu tố thì nhân dân là quan trọng nhất. Tư tưởng đề cao vai trò nhân dân có tác dụng chống lại tư tưởng “tôn quân quyền”, hoàn toàn ngược lại với nhận thức chung của nho sĩ đương thời. Và họ nhận thấy, muốn giành độc lập dân tộc, phát triển đất nước phải dựa vào dân, thắng lợi của cuộc cách mạng phải do nhân dân thực hiện, và nước được cường thịnh là nhờ có nhân dân. Tư tưởng sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân, vì dân được các nhà trí thức nâng lên thành một hệ thống lý luận khá sâu sắc, thể hiện sự vượt trội.

Các nhà trí thức đều thống nhất, để thúc đẩy việc giải phóng thì cần phải làm cho nhân dân hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ thiêng liêng, cao cả của nhân dân đối với đất nước. Cho nên, trong tư tưởng dân chủ, họ nhấn mạnh đến vai trò, quyền lợi của nhân dân, đến tự lực, tự cường không chỉ phải phát triển kinh tế, quân sự của đất nước mà còn phải tự lực, tự cường trong vấn đề làm cho nhân dân có niềm tin, ý chí và nghị lực để phấn đấu và chiến đấu. Nguyễn Lộ Trạch viết: “Điều đáng lo của thiên hạ không phải ở chỗ thiếu thốn, yếu kém mà ở chỗ không gắng sức tự cường. Song

tự cường nếu quả đã gắng sức rồi, mà thời thế thay đổi thì lại lo không cải cách kịp” (dẫn theo Mai Cao Chương, Đoàn Lê Giang, 1995: 132). Trong suốt cuộc đời, ông luôn nêu cao tinh thần tự cường dân tộc, xem tự cường dân tộc là gốc rễ của mọi vấn đề với quan điểm sự tồn vong của mỗi quốc gia là do giáo dục chứ không phải do mạnh - yếu, lớn - nhỏ. Tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam giai đoạn này thể hiện tính đa dạng, phong phú, tính năng động và sáng tạo của tư duy chính trị.

Các nhà trí thức thời kỳ này đều thống nhất với nhau về việc nâng cao tinh thần dân tộc, thúc đẩy việc giải phóng nhưng đường lối giải phóng lại không thống nhất.

Quan điểm tự cường của các nhà trí thức như Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh... diễn ra trong bối cảnh lịch sử đặc biệt nên chứa đựng nội dung, sắc thái riêng. Lý luận của họ đề cập đến nhiều vấn đề nhưng vấn đề tự cường dân tộc có ý nghĩa lớn lao, đó là biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Từ việc phê phán hệ tư tưởng phong kiến, các nhà trí thức đã tạo ra một bước chuyển biến lớn đó là từ bỏ hệ tư tưởng cũ và đi tìm con đường mới cứu nước, cứu dân. Về mặt thực tiễn, tư tưởng của các nhà trí thức Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là những bài học có ý nghĩa đối với quá trình đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

3. KẾT LUẬN

Thực tiễn lịch sử Việt Nam lúc bấy giờ đã đặt ra nhiệm vụ chủ yếu đối với tầng lớp trí thức là nêu cao tinh thần tự cường dân tộc. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, tầng lớp trí thức Việt Nam cho rằng, cần phải nâng cao sự hiểu biết, thức tỉnh lòng yêu nước, nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc và hướng tới việc giải phóng dân tộc. Để tự cường dân tộc, tầng lớp trí thức đã bắt đầu từ việc lý giải nguyên nhân dẫn đến Việt Nam mất độc lập để từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp. Nhìn chung, các nhà trí thức thời kỳ này đều thống nhất với nhau về việc

đánh giá tiềm lực hiện có của dân tộc Việt Nam. Họ đều cho rằng, muốn tự cường dân tộc để đánh đuổi thực dân Pháp, giành quyền độc lập tự chủ cho đất nước cần phải tăng cường sức mạnh dân tộc, phát huy toàn diện nội lực đất nước, kết hợp với những thành tựu khoa học của văn minh nhân loại. Hướng tới giải phóng dân tộc, tuy chưa thống nhất về đường lối nhưng tư tưởng của tầng lớp trí thức yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã để lại nhiều bài học quý giá đối với việc nâng cao hơn nữa tinh thần tự cường dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2008. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 6/8/2008 Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh. 2002. *Toàn tập* – tập 4, 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. V.I.Lênin. 1978. *Toàn tập* – tập 8. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
4. Mai Cao Chương, Đoàn Lê Giang. 1995. *Nguyễn Lộ Trạch - điều trần và thơ văn*. Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Mai Quốc Liên, Nguyễn Sơn (chủ biên). 2012. *Nguyễn An Ninh - Tác phẩm*. Hà Nội: Nxb. Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học - TPHCM.
6. Nguyễn Lân. 2000. *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
7. Nguyễn Như Ý (chủ biên). 1999. *Đại từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
8. Nguyễn Văn Dương. 1995. *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Đà Nẵng: Nxb. Đà Nẵng.
9. Nhóm Trà Lĩnh. 1990. *Đặng Huy Trứ - con người và tác phẩm*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
10. Phan Bội Châu. 2000. *Toàn tập* – tập 2, 6. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
11. Trương Bá Cần 2002. *Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
12. *Từ điển chính trị văn tắt*. 1988. Moscow: Nxb. Tiến bộ và Hà Nội: Nxb. Sự thật.
13. Võ Văn Dũng. 2015. “Tư tưởng canh tân giáo dục trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và giá trị của nó”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TPHCM*, số 4(69).